

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HƯNG HÀ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày: 11-5-2022

“V/v: Tranh chấp đòi quyền sử  
dụng đất nông nghiệp”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH**

***Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Trác.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Trần Thị Nơi và ông Nguyễn Thế Phụng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mai - thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 11-5-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2021/TLST-DS ngày 26-3-2021 về việc “Tranh chấp đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự :

\* Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1947

Địa chỉ: Số nhà 6x, đường Ng, Thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị M1, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình

\* Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Trần Thị H1, sinh năm 1979

Địa chỉ: SN 05x, đường H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Chị Trần Thị Y, sinh năm 1976

Địa chỉ: SN 117/1x, đường Đ, phường T, Th phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Anh Trần Hồng Nh, sinh năm 1981

Địa chỉ: SN 215/2x, đường Tr, phường T, Th phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H, chị Y, anh Nh: Bà Trần Thị M1, sinh năm 1950

Địa chỉ: Thôn T, xã Th, huyện H, tỉnh Thái Bình

- Anh Đỗ Văn Th, sinh năm 1973

- Chị Trần Thị H2, sinh năm 1971

Đều ở địa chỉ: Thôn Ph, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình  
(Bà M, anh H có mặt; anh Th, chị H2 đề nghị xét xử vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bà Trần Thị M trình bày:*

Gia đình bà được Nhà nước chia cho 1.082m<sup>2</sup> đất sản xuất nông nghiệp tại thôn Ph, xã T, huyện H, cụ thể:

- Thửa số 1: Ở cánh đồng Ninh bà Q, diện tích 390m<sup>2</sup>, phía Bắc giáp đường đi; phía Nam giáp nghĩa trang An Tập; phía Tây giáp đất nhà ông bà Ph, Th; phía Đông giáp đất nhà ông S.

- Thửa số 2: Ở xứ bãi Cô Ve (ngoài bãi sông) có diện tích 375m<sup>2</sup>; phía Tây giáp bờ sông Hồng; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Ch, Th; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Ph.

- Thửa số 3: Ở cánh Đồng Ninh, diện tích 317m<sup>2</sup>; phía Bắc giáp máng thủy lợi; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Quang S; phía Tây giáp đất nhà ông bà Th.

Năm 1999 do điều kiện kinh tế khó khăn nên gia đình bà đi xây dựng kinh tế mới tại tỉnh Đắk Lắk, trước khi gia đình bà đi có cho gia đình ông X và bà T (bố, mẹ đẻ anh H) mượn toàn bộ phần diện tích đất nông nghiệp này, hẹn khi nào cần lấy lại thì gia đình ông X, bà T phải trả lại gia đình bà phần diện tích đất nói trên.

Nay bà có nguyện vọng về quê hương sinh sống, cần có diện tích đất nông nghiệp để canh tác, nuôi sống bản thân; bà đã nhiều lần gặp gia đình anh H (là người đang sử dụng toàn bộ diện tích đất trên) phải trả lại cho gia đình bà nhưng anh H không trả lại. Bà đề nghị Tòa án buộc anh H phải trả lại cho gia đình bà toàn bộ diện tích đất nông nghiệp là 1.082m<sup>2</sup> như thể hiện tại 03 thửa đất nêu trên.

*Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Trần Thị M là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M và là người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị H1, chị Trần Thị Y, anh Trần Hồng Nh trình bày:*

Hộ gia đình bà M gồm có các nhân khẩu: Bà Trần Thị M, ông Trần Minh Đ (tên gọi khác là Tr, đã mất năm 2015) và các con Trần Thị A, Trần Thị H1, Trần Thị Y, Trần Hồng Nh; trong đó bà M, ông Đ, chị H, chị Y, anh Nh được Nhà nước giao đất nông nghiệp tại thôn Ph, xã T, huyện H (chị Trần Thị A không được Nhà nước giao đất nông nghiệp), cụ thể như sau:

- Thửa số 1: Ở cánh đồng Ninh bà Q, diện tích 750m<sup>2</sup>, chia làm 02 hộ; hộ gia đình ông Ph, bà Th sử dụng diện tích 360m<sup>2</sup>, còn lại 390m<sup>2</sup> do gia đình ông X, bà T (bố, mẹ đẻ anh H) sử dụng, có tứ cận là: phía Bắc giáp đường đi, phía Nam giáp nghĩa trang An Tập; phía Tây giáp đất nhà ông bà Ph, Th; phía Đông giáp đất nhà ông S.

- Thửa số 2: Đất xứ bãi Cô Ve (ngoài bãi sông) có diện tích 375m<sup>2</sup>; phía Tây giáp bờ sông Hồng; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Ch, Th; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Ph.

- Thửa số 3: Ở cánh Đồng Ninh, diện tích 317m<sup>2</sup>; phía Bắc giáp máng thủy lợi; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Quang S; phía Tây giáp đất nhà ông bà Th.

Việc giao đất nông nghiệp nói trên cho hộ gia đình bà M đều được cơ sở thôn Phú Hà và Ủy ban nhân dân xã C xác nhận. Năm 1999 gia đình bà M đi xây dựng kinh tế tại tỉnh Đắk Lắk và có cho gia đình ông X, bà T mượn toàn bộ diện tích đất nông nghiệp 1.082m<sup>2</sup> nói trên (trừ diện tích 360m<sup>2</sup> gia đình ông Ph, bà Th đang sử dụng), Sau khi ông X, bà T mất thì anh H là người đang sử dụng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nói trên. Nay bà M có nhu cầu về quê hương sinh sống và cần có đất sản xuất nông nghiệp để canh tác, nuôi sống bản thân, bà M đã nhiều lần yêu cầu anh H phải trả lại toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nói trên nhưng anh H không trả lại. Bà đề nghị Tòa án buộc anh H phải trả lại cho gia đình bà M toàn bộ diện tích đất nông nghiệp là 1.082m<sup>2</sup> như thể hiện tại 03 thửa đất nêu trên. Bà được bà M, chị H, chị Y, anh Nh thông báo đề nghị Tòa án giao toàn bộ diện tích đất nói trên cho bà M sử dụng. Hiện tại trên các thửa đất này anh Th, chị H2 là người canh tác (trồng lúa, ngô), bà không đề nghị Tòa án định giá các tài sản trên đất, bà tự thỏa thuận giải quyết với vợ chồng anh Th, chị H2 về các tài sản trên đất.

*Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa anh Trần Văn H trình bày:* Nguồn gốc các thửa đất: Thửa số 1: Ở cánh đồng Ninh bà Q, diện tích 750m<sup>2</sup>, chia làm 02 hộ; hộ gia đình ông Ph, bà Th sử dụng diện tích 360m<sup>2</sup>, còn lại 390m<sup>2</sup> do gia đình ông X, bà T (bố, mẹ đẻ anh H) sử dụng, có tứ cận là: phía Bắc giáp đường đi; phía Nam giáp nghĩa trang An Tập; phía Tây giáp đất nhà ông bà Ph, Th; phía Đông giáp đất nhà ông S. Thửa số 2: Đất xứ bãi Cô Ve (ngoài bãi sông) có diện tích 375m<sup>2</sup>; phía Tây giáp bờ sông Hồng; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Ch, Th; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Ph. Thửa số 3: Ở cánh Đồng Ninh, diện tích 317m<sup>2</sup>; phía Bắc giáp máng thủy lợi; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Quang S; phía Tây giáp nhà ông bà Th đều là của hộ gia đình bà Trần Thị M. Năm 1999 khi đi xây dựng kinh tế mới, ông Trần Minh Đ (tên gọi khác là Trò-chồng bà M) đã chuyển nhượng toàn bộ nhà, vườn, ao cùng toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nêu trên cho bố, mẹ anh là ông X, bà T với giá tiền là: 38.000.000 đồng, việc chuyển nhượng này có thể hiện bằng giấy viết tay của ông Đ và giấy giao nhận tiền giữa ông Đ với bố anh. Sau khi bố, mẹ anh mất (ông X mất năm 2018, bà T mất năm 2019) thì anh là người sử dụng và canh tác toàn bộ diện tích đất nông nghiệp nêu trên. Năm 2019 anh đã giao toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng anh Th, chị H2 canh tác (trồng lúa, ngô), vợ chồng anh Th, chị H2 là người nộp sản cho Nhà nước từ thời điểm nhận canh tác. Anh không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M vì bà M không có lý do để khởi kiện.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đỗ Văn Th, chị Trần Thị H2 trình bày:*

Vợ chồng anh được anh H cho canh tác (trồng lúa, ngô) trên 03 thửa đất mà hiện nay có tranh chấp giữa bà M với anh H. Tòa án quyết định các thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ai thì vợ chồng anh sẽ tự giải quyết với người đó về việc trồng lúa, trồng ngô trên các thửa đất nêu trên, vợ chồng anh không yêu cầu định giá các tài sản trên đất. Vợ chồng anh đề nghị vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa án cũng như vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

*Tại biên bản xác minh ngày 22/4/2021, UBND xã Tân Lễ cung cấp:*

Tra cứu sổ theo dõi dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp lưu tại Thôn Ph, xã T,

huyện H thì hộ gia đình bà M, ông Đ được chia đất nông nghiệp như sau:

- Thừa số 1: Ở cánh đồng Ninh bà Q, diện tích  $750m^2$ , khi chia ruộng thì gia đình ông Đ, bà M không có mặt tại địa phương. Hộ gia đình bà M có diện tích về thôn là diện tích đất này chia cho hộ gia đình ông Ph, bà Th sử dụng  $360m^2$ ; chia cho gia đình ông X, bà T  $390m^2$  (ông X, bà T có hộ khẩu ở thôn Tân An và không được tiêu chuẩn chia ruộng ở thôn Phú Hà). Thừa đất này có tứ cận là: phía Bắc giáp đường đi; phía Nam giáp nghĩa trang An Tập; phía Tây giáp nhà ông bà Ph, Th; phía Đông giáp nhà ông S.

- Thừa số 2: Đất xứ bãi Cô Ve (ngoài bãi sông) có diện tích  $375m^2$ ; phía Tây giáp bờ sông Hồng; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Ch, Th; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Ph.

- Thừa số 3: Ở cánh Đồng Ninh, diện tích  $317m^2$ ; phía Bắc giáp máng thủy lợi; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp nhà ông Quang S; phía Tây giáp nhà ông bà Th.

Cũng theo ý kiến của hộ gia đình bà M nên cơ sở thôn đã giao cho hộ gia đình ông X, bà T sử dụng  $390m^2$  trong thửa đất này. Hiện tại ông X, bà T (bố, mẹ đẻ anh H) đều đã mất nên các thửa đất giao cho hộ gia đình bà M đều đang do anh H sử dụng.

Theo Quyết định 652 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình thì hộ gia đình bà M được chia 05 khẩu nông nghiệp, mỗi khẩu được chia  $288m^2$ . Theo Quyết định 948 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình thì hộ gia đình bà M được chia thêm cho 04 nhân khẩu, mỗi nhân khẩu là  $36m^2$ . Khi chia ruộng theo Quyết định 948 và 652 thì hộ gia đình bà M phải trừ diện tích đất thổ thừa quy đổi bằng  $14m^2$  đất nông nghiệp; trừ diện tích đất ao thừa quy đổi là  $62m^2$  đất nông nghiệp, trừ diện tích đóng góp xây dựng nông thôn mới là  $66m^2$ . Còn lại hộ gia đình bà M, ông Đ được chia thực tế là  $1.442m^2$  (trừ diện tích  $360m^2$  đất gia đình ông Ph, bà Th đang sử dụng, còn lại  $1.082m^2$  đất như nêu trên anh H đang sử dụng).

#### ***Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành tương đối các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 164; Điều 165; Điều 166; Điều 235; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 100; Điều 203 Luật đất đai. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, buộc anh Trần Văn H phải trả lại cho bà M diện tích  $1.082m^2$  đất nông nghiệp tại các thửa đất:

- Thừa số 1: Ở cánh đồng Ninh bà Q, diện tích  $390m^2$ ; phía Bắc giáp đường đi; phía Nam giáp nghĩa trang An Tập; phía Tây giáp đất nhà ông bà Ph, Th; phía Đông

giáp đất nhà ông S.

- Thửa số 2: Ở xứ bãi Cô Ve (ngoài bãi sông) có diện tích 375m<sup>2</sup>; phía Tây giáp bờ sông Hồng; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Ch, Th; phía Đông giáp đường đi, phía Nam giáp đất nhà ông Ph.

- Thửa số 3: Ở cánh Đồng Ninh, diện tích 317m<sup>2</sup>; phía Bắc giáp máng thủy lợi, phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Quang S; phía Tây giáp đất nhà ông bà Th.

Chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa Bà M, anh Th, chị H2 tự giải quyết các tài sản trên các thửa đất nêu trên.

Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận nên anh Trần Văn H phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, tiền định giá tài sản và tiền án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị M khởi kiện đòi quyền sử dụng đất nông nghiệp mà anh Trần Văn H đang sử dụng tại Thôn Ph, xã T, huyện H. Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[4] Anh Đỗ Văn Th, chị Trần Thị H2 đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Th, chị H2 là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Các đương sự đều trình bày thống nhất về nguồn gốc đất nông nghiệp đang có tranh chấp là của hộ gia đình bà M. Các đương sự đều thống nhất về diện tích đất theo như đo đạc hiện trạng, kết quả định giá cũng như không có tranh chấp về các tài sản trên đất.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M; người đại diện theo ủy quyền của bà M và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, chị Y, anh Nh là bà Trần Thị M1 và yêu cầu của bị đơn anh Trần Văn H thấy: Hộ gia đình bà M gồm bà M, ông Đ (tên gọi khác là Trò, đã mất năm 2015), chị H, chị Y, anh Nh được Nhà nước chia hợp pháp cho 05 nhân khẩu tương ứng với 1.442m<sup>2</sup> đất nông nghiệp. Năm 1999 gia đình bà M đi xây dựng kinh tế thì có cho vợ chồng ông Ph, bà Th sử dụng 360m<sup>2</sup>, cho vợ chồng ông X, bà T (bố, mẹ đẻ anh H) mượn 1.082m<sup>2</sup> đất nông nghiệp để canh tác, sau khi ông X, bà T mất thì anh H sử dụng toàn bộ diện tích đất này. Không có việc hộ gia đình bà M chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng ông X, bà T. Theo Ủy ban nhân dân xã C cung cấp thì toàn bộ diện tích đất nông nghiệp này được chia cho hộ gia đình bà M. Anh H cho rằng toàn bộ diện tích đất này đã được ông Đ (chồng bà M) chuyển nhượng cho bố, mẹ anh là ông X, bà T được thể hiện bằng đơn xin nhượng tài sản giữa ông Đ (chồng bà M) với ông X vào năm 1999, tuy nhiên trong đó không thể hiện ông Đ chuyển nhượng cho ông X, bà T diện tích đất nông nghiệp này; mặt khác khi thực hiện việc dồn điền đổi

thừa vào năm 2011, cơ sở thôn Phú Hà, xã Tân Lễ vẫn giao toàn bộ diện tích đất nông nghiệp trên cho hộ gia đình bà M, thời điểm đó ông X, bà T (đều còn sống) và anh H không có ý kiến gì, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh H. Căn cứ vào lời trình bày của bà M, Bà M và xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H có đủ cơ sở xác định các thửa đất nông nghiệp: Thửa số 1 ở cánh đồng Ninh bà Q, diện tích 390m<sup>2</sup>; phía Bắc giáp đường đi; phía Nam giáp nghĩa trang An Tập; phía Tây giáp đất nhà ông bà Ph, Th; phía Đông giáp đất nhà ông S. Thửa số 2: Ở xứ bãi Cô Ve (ngoài bãi sông) có diện tích 375m<sup>2</sup>; phía Tây giáp bờ sông Hồng; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Ch, Th; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Ph. Thửa số 3: Ở cánh Đồng Ninh, diện tích 317m<sup>2</sup>; phía Bắc giáp máng thủy lợi; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Quang S; phía Tây giáp đất nhà ông bà Th đều thuộc quyền sử dụng của bà M, ông Đ, chị H, chị Y, anh Nh. Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M buộc anh H phải trả lại toàn bộ diện tích 1.082m<sup>2</sup> đất nông nghiệp như đã phân tích ở trên cho hộ gia đình bà M.

[7] Tại phiên tòa bà Trần Thị M1 đề nghị Tòa án buộc anh Trần Văn H trả lại toàn bộ diện tích 1.082m<sup>2</sup> đất nông nghiệp như thể hiện tại 03 thửa đất nêu trên cho bà Trần Thị M sử dụng, xét đề nghị của Bà M phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M và ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, chị Y, anh Nh nên chấp nhận.

[8] Tại thời điểm xét xử, anh Th, chị H2 là người đang canh tác tại các thửa đất nêu trên (trồng lúa, ngô), tại thời điểm định giá tài sản không có các tài sản này. Bà M, anh Th, chị H2 không yêu cầu định giá các tài sản mới phát sinh là lúa và ngô và đều thống nhất tự giải quyết với nhau về các tài sản này, đây là thỏa thuận tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[9] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản có tranh chấp (đo đạc hiện trạng thửa đất, định giá tài sản) tổng số tiền là 5.000.000 đồng, bà M đã tạm ứng để chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 5.000.000 đồng, do yêu cầu của bà M được chấp nhận nên bà M không phải chịu chi phí này; buộc anh H phải trả cho bà M số tiền 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

[10] Do yêu cầu khởi kiện của bà M được chấp nhận và bà M là người cao tuổi nên bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo trị giá tài sản tranh chấp là: 1.082m<sup>2</sup> x 42.000 đồng/m<sup>2</sup> = 45.444.000 đồng, tương ứng với số tiền án phí là: 45.444.000 đồng x 5/100 = 2.272.000 đồng (làm tròn).

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 156; Điều 157; Điều 158; Điều 164; Điều 165; Điều 166; Điều 235; Điều 271; Điều 273; Điều 579 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 100; Điều 203 Luật đất đai. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M. Buộc anh Trần Văn H phải trả lại cho bà M diện tích 1.082m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, cụ thể:

- Thửa số 1: Ở cánh đồng Ninh bà Q, diện tích 390m<sup>2</sup>; phía Bắc giáp đường đi; phía Nam giáp nghĩa trang An Tập; phía Tây giáp đất nhà ông bà Ph, Th; phía Đông giáp đất nhà ông S.

- Thửa số 2: Ở xứ bãi Cô Ve (ngoài bãi sông) có diện tích 375m<sup>2</sup>; phía Tây giáp bờ sông Hồng; phía Bắc giáp đất nhà ông bà Ch, Th; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Ph.

- Thửa số 3: Ở cánh Đồng Ninh, diện tích 317m<sup>2</sup>; phía Bắc giáp máng thủy lợi; phía Đông giáp đường đi; phía Nam giáp đất nhà ông Quang S; phía Tây giáp đất nhà ông bà Th.

*(Có sơ đồ kèm theo)*

2. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa Bà M, anh Th, chị H2 tự giải quyết các tài sản trên các thửa đất nêu trên.

3. Chi phí tố tụng: Buộc anh Trần Văn H phải trả cho bà Trần Thị M số tiền 5.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 2.272.0000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bà M, bà M, anh H, chị Y, chị H, anh Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Th, chị H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Quang Trác**